TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 23 - 02 - 2023
V/v: "Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc H.

2. Bà Diệp Thị Thu N.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Bùi Phương A - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXX-DS ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển T .

Địa chỉ: số 25 Bis, đường N, phường B, quận 1, Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Quốc T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc H , sinh năm 1988, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Thoại Sơn; ông Nguyễn Quang M , sinh năm 1983, chức vụ: Trưởng Bộ phận KHCN - Phòng giao dịch Thoại Sơn (Văn bản ủy số 68/2022/UQ-CNAG ngày 27/10/2022 của Ngân hàng TMCP Phát triển T - Chi nhánh A).

Địa chỉ liên lạc: số 407, N , thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Ngọc L , sinh năm 1955.

- Bà Đoàn Thị B , sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V , huyện T , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B là ông Nguyễn Ngọc L , sinh năm 1988. (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2022).

Địa chỉ: ấp T, xã V , huyện T , tỉnh A .

(Tại phiên tòa có mặt: ông Nguyễn Quang M , đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; ông Nguyễn Ngọc L , đại diện theo ủy quyền của bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 07/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển T (do ông Nguyễn Quang M , đại diện) trình bày:

- Ngày 26/05/2021, ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B có đến Ngân hàng TMCP Phát triển T ký hợp đồng tín dụng số 21105/21MN/HĐTD ngày 26/5/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21105/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 27/5/2021 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi bò. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 28/5/2021 đến ngày 27/5/2022. Lãi suất 11%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc cuối kỳ vào ngày 27/5/2022. Đến ngày 23/02/2023 ông L , bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn, lãi là 1.126.777.382 đồng (trong đó gốc 999.999.997 đồng, lãi 126.777.385 đồng).

- Ngày 24/6/2021, ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B tiếp tục đến Ngân hàng TMCP Phát triển T ký hợp đồng tín dụng số 26971/21MN/HĐTD ngày 24/6/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 26971/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 24/6/2021 để vay số tiền 147.000.000 đồng. Mục đích vay: mua bán tạp hóa. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 25/6/2021 đến ngày 24/6/2022. Lãi suất 11%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc cuối kỳ vào ngày 24/6/2022; lịch trả nợ lãi 03 tháng một lần ngày 20. Đến ngày 23/02/2023 ông L , bà B còn nợ tổng số tiền vốn, lãi là 168.928.519 đồng (gốc 147.000.000 đồng; lãi là 21.928.519 đồng).

- Ngày 15/7/2021, ông L có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông L với hạn mức 100.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông L còn nợ tổng số gốc, lãi là 156.189.358 đồng (trong đó gốc 100.000.000 đồng; lãi 56.189.358 đồng).

Khi vay tiền, ông L và bà B có ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 15628/21MN/HĐBĐ ngày 26/5/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 15628/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 24/6/2021. Hợp đồng thế chấp có công chứng tại Văn phòng công chứng H và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh T ngày 26/5/2021. Tài sản thế chấp gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 772444, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01436 QSDĐ/gH, diện tích 11.205m^2, thửa số 1022; 1020; tờ bản đồ số 01 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc L ngày

16/6/1992 (cập nhật thay đổi ngày 21/3/2019). Đất tọa lạc tại xã V , huyện T , tỉnh A .

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 919204, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02860 QSDĐ/dH, diện tích 10.090m^2, thửa số 161; tờ bản đồ số 07 do UBND huyện T cấp cho ông Nguyễn Ngọc L ngày 21/6/1995 (cập nhật thay đổi ngày 26/7/2019). Đất tọa lạc tại xã Đ , huyện T , tỉnh A .

Sau khi vay tiền, ông L và bà B không thực hiện việc trả vốn, lãi đúng như thỏa thuận. Đến ngày 23/02/2023 ông L , bà B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 1.451.895.259 đồng (trong đó nợ gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.337.494 đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần cử nhân viên đến gặp ông L và bà B để thu hồi vốn, lãi nhưng ông L và bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, Ngân hàng TMCP Phát triển T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/02/2023 là 1.451.895.259 đồng (trong đó nợ gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.895.262 đồng) và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông L và bà B thanh toán dứt nợ. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 15628/21MN/HĐBĐ ngày 26/5/2021 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 15628/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 24/6/2021 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại tờ tự khai ngày 08/12/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B (do ông Nguyễn Ngọc L đại diện theo ủy quyền) trình bày: ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B thừa nhận có đến Ngân hàng TMCP Phát triển T ký hợp đồng tín dụng số 21105/21MN/HĐTD ngày 26/5/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 21105/HĐTD/21MN/KUNN01 ngày 27/5/2021 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng và hợp đồng tín dụng số 26971/21MN/HĐTD ngày 24/6/2021 và đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 26971/21MN/HĐTD/KUNN01 ngày 24/6/2021 để vay số tiền 147.000.000 đồng. Đến ngày 15/7/2021, ông L đề nghị cấp thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông L với hạn mức 100.000.000 đồng.

Khi vay ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B có thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 15628/21MN/HĐBĐ ngày 26/5/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 15628/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 24/6/2021 đúng như đại diện Ngân hàng trình bày. Diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng hiện do ông L , bà B trực tiếp quản lý, sử dụng. Quá trình vay vốn, do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên ông L , bà B không thực hiện trả vốn, lãi theo đúng thỏa thuận với Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng TMCP Phát triển T yêu cầu ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/02/2023 là 1.451.895.259 đồng (trong đó gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.895.262 đồng) và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng thì ông L , bà B

đồng ý trả số nợ trên. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình ông L , bà B đang gặp khó khăn nên yêu cầu Ngân hàng tạo điều kiện cho trả dần, khi nào bán được tài sản sẽ trả đủ số tiền vốn, lãi cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 317, 320, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông L , bà B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 23/02/2023 là 1.451.895.259 đồng (trong đó nợ gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.895.262 đồng). Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản số 15628/21MN/HĐBĐ ngày 26/5/2021; Văn bản sửa đổi, bổ sung số 15628/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 24/6/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát triển T với ông L , bà B để đảm bảo trả nợ cho Ngân hàng.

+ Bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B có địa chỉ tại xã V , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Phát triển T khởi kiện ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B để yêu cầu trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/02/2023 là 1.451.895.259 đồng (trong đó nợ gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.895.262)

và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ; đồng thời yêu cầu duy trì tài sản thế chấp để bảo đảm thi hành án.

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 21105/21MN/HĐTD ngày 26/5/2021 thấy rằng, ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B có đến Ngân hàng TMCP Phát triển T ký Hợp đồng tín dụng số 21105/21MN/HĐTD ngày 26/5/2021 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi bò. Thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 28/5/2021 đến ngày 27/5/2022). Lãi suất 11%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: trả gốc cuối kỳ vào ngày 27/5/2022; lịch trả lãi 04 tháng/lần vào ngày 20. Sau khi vay, ông L , bà B không trả vốn, lãi theo đúng phân kỳ của ngân hàng nên còn nợ vốn, lãi đến ngày 23/02/2023 là 1.126.777.382 đồng. Do ông L , bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông L , bà B trả số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 21105/21MN/HĐTD ngày 26/5/2021 là có căn cứ.

[3.2] Xét Hợp đồng tín dụng số 26971/21MN/HĐTD ngày 24/6/2021 thấy rằng, ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B có đến Ngân hàng TMCP Phát triển T ký Hợp đồng tín dụng số 26971/21MN/HĐTD ngày 24/6/2021 để vay số tiền 147.000.000.000 đồng. Mục đích vay: mua bán tạp hóa. Thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 25/6/2021 đến ngày 24/6/2022). Lãi suất 11%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: trả gốc cuối kỳ vào ngày 24/6/2022; lịch trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 20. Sau khi vay, ông L , bà B không trả vốn, lãi cho Ngân hàng theo đúng phân kỳ nên còn nợ số tiền vốn, lãi tính đến ngày 23/02/2023 là 168.928.519 đồng. Do ông L , bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông L , bà B trả số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 26971/21MN/HĐTD ngày 24/6/2021 là có căn cứ.

[3.3] Xét Hợp đồng Thẻ tín dụng, thấy rằng: ngày 15/7/2021, ông L có giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông L với hạn mức 100.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông L có rút tiền và đóng lãi cho Ngân hàng nên còn nợ lại tổng số gốc, lãi là 156.189.358 đồng (trong đó gốc 100.000.000 đồng; lãi 56.189.358 đồng). Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán Thẻ tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu trả số tiền nêu trên là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định tại mục [3], xét thấy việc thỏa thuận vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Phát triển T với ông L , bà B là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn đồng ý trả toàn bộ số nợ nêu trên nhưng không ấn định được thời hạn cụ thể nên Ngân hàng không thống nhất. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu trả số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển T tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/02/2023 là

1.451.895.259 đồng (trong đó nợ gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.895.262) và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[5] Xét, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 15628/21MN/HĐBĐ ngày 26/5/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 15628/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 24/6/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát triển T với ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B đã được công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh T đúng trình tự, thủ tục quy định nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp nêu trên để bảo đảm thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông L , bà B bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Phát triển T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 119, 317, 318, 320, 398, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển T .

1.1. Buộc ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển T tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày 23/02/2023 là 1.451.895.259 đồng (một tỷ, bốn trăm năm mươi mốt triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng), trong đó gốc 1.246.999.997 đồng; lãi 204.895.262 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 15628/21MN/HĐBĐ ngày 26/5/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 15628/21MN/HĐBĐ/PL01 ngày 24/6/2021 ký kết giữa Ngân hàng TMCP Phát

Thành phố H với ông Nguyễn Ngọc L , bà Đoàn Thị B để bảo đảm cho việc thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc L và bà Đoàn Thị B phải chịu chung 55.556.858 đồng (năm mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng TMCP Phát triển T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 25.886.021 đồng (hai mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi mốt đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0011329, ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H